

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34 /2025/DS-ST
Ngày: 18-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm
cố tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh và bà Phạm Thị Bích Lệ

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đình Thành- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23a/2025/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 18a/2025/QĐST-DS ngày 27/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S Có Ngay

Địa chỉ trụ sở chính: Số A N, phường T, tỉnh Nghệ An

Đại diện theo pháp luật: Ông KANOKAWATPAISAL NAPAY – Chức vụ: Giám đốc công ty.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1996(có mặt)

(Theo giấy uỷ quyền số 169/2024/UQ-SVN, ngày 14/10/2024)

Địa chỉ: Số F- đường N, xã B, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh Lê Quang Trường T, sinh năm 2001(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã S, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay trình bày: Ngày 03/7/2023, anh Lê Quang Trường T có cầm cố tài sản tại Công ty Cổ phần S (gọi tắt là Công ty S1) theo Hợp đồng cầm cố số PJM230701004NA21X.

1. Tài sản cầm cố như sau: 01 (Một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, loại Winner X ABS, biển số xe 86B2-657.33, số khung: RLHKC3719MY119804, số máy: KC34E1244428, giấy chứng nhận đăng ký số 005060 do Công an huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04/11/2021 (Viết tắt là xe mô tô biển số 86B2-657.33).

2. Hợp đồng cầm cố có nội dung như sau:

2.1. Số tiền cầm cố, thời hạn và mục đích cầm cố

- Số tiền cầm cố: 15.400.000 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm đồng).
- Thời hạn cầm cố: 12 tháng.
- Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.
- Ngày giải ngân: 03/7/2023
- Ngày hết hạn hợp đồng 03/7/2024.

2.2. Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận:

- Lãi suất cầm cố: 1.1%/tháng.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.
- Phí quản lý hồ sơ: 0.5%/tháng trên số tiền cầm cố theo thời hạn hợp đồng.
- Phí mượn xe: Đúng hạn 2%/tháng theo dư nợ gốc ban đầu (308.000 đồng) và trễ hạn là 3%/tháng (462.000 đồng). Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố Công ty đã giải ngân cho khách hàng số tiền 15.400.000 đồng theo đề nghị cầm cố và hợp đồng cầm cố số PJM230701004NA21X ngày 03/7/2023 và Phụ lục hợp đồng cầm cố cùng ngày 03/7/2023. Sau khi cầm xe, anh T và công ty có thỏa thuận cho anh T mượn lại xe đã cầm để sử dụng được thể hiện tại giấy mượn xe ký ngày 03/7/2023. Hợp đồng giấy mượn xe có nội dung như sau: Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 03/7/2023, Lê Quang T1 Thịnh đã có đơn gửi Công ty X mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung giấy mượn xe. Thời hạn mượn xe là 01 tháng từ ngày 03/7/2023 đến ngày 03/8/2023. Cam kết hoàn trả lại xe đúng hạn tại địa điểm theo Công ty yêu cầu. Công ty đã đồng ý cho khách hàng mượn tài sản nêu trên theo nguyện vọng và khách hàng cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng và giấy mượn xe, giấy tờ khác liên quan. Anh T có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận theo yêu cầu từ Công ty”.

Từ khi cầm tài sản, anh Lê Quang T1 T chưa thanh toán cho Công ty khoản nào theo thỏa thuận hợp đồng. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho anh T có thời gian thu xếp trả nợ nhưng anh T vẫn không thực hiện.

Nay, Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Lê Quang Trường T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền gốc 15.400.000 đồng; lãi trong hạn 2.032.800 đồng; lãi phạt quá hạn 6.039.110 đồng, phí quản lý hồ sơ là 924.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu Lê Quang Trường T phải trả là 24.395.910 đồng (tạm tính đến ngày 16/7/2025) và tiếp tục yêu cầu Lê Quang T1 Thịnh còn phải tiếp tục chịu lãi suất và lãi suất quá hạn và phí theo hợp đồng cầm cố và trả hết các khoản nợ thì Công ty xóa đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục hòa giải vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Lê Quang Trường T vắng mặt, không gởi có ý kiến trình bày về vụ kiện mặc dù đã được thông báo và niêm yết công khai nên vụ án không tiến hành hòa giải được và đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Hồng N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay có thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Lê Quang Trường T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2025 cụ thể:

+Tiền gốc 15.400.000 đồng;

+Lãi trong hạn 2.032.800 đồng;

+Lãi quá hạn 6.583.500 đồng và yêu cầu anh T phải trả tiền lãi và lãi quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng số PJM230701004NA21X và Phụ lục hợp đồng cầm cố cùng ngày 03/7/2025 mà các bên đã ký kết kể từ ngày tiếp theo (19/9/2025) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên. Khi anh Lê Quang T1 Thịnh thanh toán xong các khoản phải trả thì Công ty sẽ xóa đăng ký giao dịch bảo đảm.

Đối với phí quản lý hồ sơ 924.000 đồng và phí mượn xe 264.000 đồng đại diện nguyên đơn không yêu cầu anh T phải trả.

Bị đơn Lê Quang Trường T vắng mặt không ý kiến gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:* Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm

quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp khi thụ lý là tranh chấp hợp đồng tín dụng là không chính xác nhưng tại phiên tòa đã thay đổi quan hệ tranh chấp là hợp đồng cầm cố là phù hợp quy định pháp luật, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, hoà giải, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời gian giải quyết vụ án đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử*: Tại phiên tòa, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 86, 227 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 309, 310 và Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay: Buộc anh Lê Quang T1 T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 18/9/2025 theo yêu cầu gốc là 15.400.000 đồng, lãi trong hạn là 2.032.800 đồng, lãi quá hạn 6.583.500 đồng và kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, anh Lê Quang T1 T còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng cầm cố số PJM230701004NA21X.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Hồng N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh T trả phí quản lý hồ sơ và phí mượn xe nên đây là thay đổi yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Lê Quang Trường T, sinh năm 2001 (có địa chỉ thường trú tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận- này là Sông L, tỉnh Lâm Đồng) phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo Hợp đồng cầm cố số PJM230701004NA21X và Phụ lục hợp đồng cầm cố cùng ngày 03/7/2025. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình,

tỉnh Bình Thuận. Theo Nghị quyết số 81//2025/UBNTVQH 15 ngày 27/6/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 13, tỉnh Lâm Đồng kế thừa nhiệm vụ của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình nên đưa ra xét xử vụ án là đúng quy định.

Theo thông báo thụ lý 107/TB-TLVA ngày 23/5/2025 Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng tín dụng, căn cứ Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản nợ mà Lê Quang Trường T phải trả xuất phát từ hợp đồng cầm cố PJM230701004NA21X ngày 03/7/2025 nên quan hệ tranh chấp được xác định lại là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

Tại phiên tòa anh Lê Quang Trường T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ thủ tục tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố hay các yêu cầu gì khác trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Lê Quang T1 Thịnh là phù hợp quy định tại Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Xét, tính hợp pháp của hợp đồng cầm cố:* Tại thời điểm giao dịch các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, tài sản cầm cố là tài sản hợp pháp của bên cầm cố là Lê Quang T1 Thịnh nên giao dịch giữa bên cầm cố và nhận cầm cố là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Ngày 03/7/2023 Công ty có giải ngân cho anh Lê Quang T1 T nhận số tiền 15.400.000 đồng và anh T đã giao xe công ty S2 có ngay giữ và đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống trực tuyến của Cục Đ số đăng ký 1507730172 và sau đó giữa công ty S1 tiền có ngay và anh T có thỏa thuận cho anh T mượn xe. Căn cứ Điều 116 và Điều 117; Điều 309; Điều 310 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng cầm cố đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng. Mặc dù bên nhận cầm cố đã thỏa thuận cho bên cầm cố mượn lại tài sản cầm cố, đây là thỏa thuận tự nguyện giữa các bên nên hợp đồng cầm cố số JM230701004NA21X và Phụ lục hợp đồng cầm cố cùng ngày 03/7/2023 đã có hiệu lực từ thời điểm giao kết.

[2.2] *Xét về yêu cầu khởi kiện:* Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố, anh Lê Quang T1 T không thanh toán cho Công ty các khoản tiền lãi và phí phát sinh theo hợp đồng như đã thỏa thuận và cũng không trả lại xe máy cầm cố cho Công ty. Như vậy, bên cầm cố vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 311 Bộ luật dân sự nên bên nhận cầm cố là Công ty S2 có ngay yêu cầu anh Lê Quang T1 Thịnh phải có trách nhiệm trả số tiền đã cầm cố chưa hoàn trả theo số tiền gốc 14.500.000 đồng và chịu trả lãi trong hạn 1,1%/tháng trên nợ gốc là 2.032.800 lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn là 1,65% theo dư nợ gốc tạm tính đến ngày 18/9/2025 là 6.583.000 đồng. Tổng cộng **24.015.800 đồng** và tiếp tục trả lãi và lãi suất quá hạn kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả lại tiền cầm cố 15.400.000 đồng cho công ty S2 có ngay và khi bên cầm cố là anh T thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả thì Công ty S1 xóa đăng ký bảo đảm tài sản cầm cố cho anh

T là có căn cứ phù hợp những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố ngày 03/7/2023 về lãi suất hai bên thỏa thuận trong hạn cố định là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, đây là thỏa thuận tự nguyện giữa các bên và không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên anh T phải chịu trả tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn cho Công ty S2 có ngay từ ngày 03/7/2023 đến ngày 18/9/2025 theo yêu cầu của đại diện Công ty là phù hợp quy định tại Điều 311; Điều 312; Điều 313 và Điều 314.

[2.3] *Đối với thay đổi yêu cầu khởi kiện*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Phạm Thị Hồng N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với phí quản lý hồ sơ và phí cho mượn xe, Hội đồng xét xử thấy thay đổi yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBNTVQH14 ngày 31/12/2016. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 116; Điều 117; Điều 280; 309, 310; Điều 311; Điều 312; Điều 313 và Điều 314 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Buộc anh Lê Quang Trường T có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền **24.015.800 đồng**. Trong đó tiền gốc: 15.400.000 đồng, tiền lãi trong hạn 2.032.800 đồng, tiền lãi quá hạn 6.583.000 đồng tạm tính đến ngày 18/9/2025 và tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố số PJM230701004NA21X và Phụ lục hợp đồng cầm cố cùng ngày 03/7/2025 kể từ ngày tiếp theo (19/9/2025) cho đến khi thanh toán xong nợ. Công ty Cổ phần S2 có ngay có nghĩa vụ xóa đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản cầm cố theo hợp đồng số PJM230701004NA21X khi anh Lê Quang Trường T thực hiện xong nghĩa vụ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Lê Quang Trường T phải chịu nộp 1.200.790 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp 832.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009476 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận (Nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Lâm Đồng)

Án xử công khai sơ thẩm, đại diện nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 13;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
(Qua Phòng Thi hành án dân sự khu vực
13 - Lâm Đồng)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thảo